

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL21BTS** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02140** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Luật Hôn nhân và Gia đình**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTPL0359	Lê Lộc Duy	19/05/1986				8.5	8				9.3		8.8
2	21BTPL0360	Khuru Thị Bích Đào	02/07/2000				8	9				8.5		8.6
3	21BTPL0367	Trần Thị Ngọc Mai	19/04/2003				8	7.5				9.3		8.6
4	21BTPL0368	Quách Văn Măng	/ /1991				9	9				9.3		9.2
5	21BTPL0369	Lê Trung Nam	04/08/1980				8.5	9				9.8		9.4
6	21BTPL0371	Phan Thị Mỹ Phương	23/10/2002				8	9				9.0		8.9
7	21BTPL0375	Nguyễn Thị Lệ Thu	12/08/1988				9	9.5				10.0		9.7
8	21BTPL0376	Nguyễn Ngọc Bảo Thư	21/10/2003				0	0				0.0	0.0	0.0
9	21BTPL0379	Lê Phước Trung	15/10/1984				8	9				9.8		9.3
10	21BTPL0380	Lê Văn Tuấn	24/04/1986				8.5	9.8				10.0		9.7
11	21BTPL0575	Đặng Thị Út	19/09/1988				8	8				8.0		8.0
12	21BTPL0576	Phạm Văn Thắng	03/07/1997				8.5	7.5				8.0		7.9
13	21BTPL0582	Võ Thị Duyên	29/07/1997				9	9.5				9.3		9.3
14	21BTPL0587	Nguyễn Văn Điền	07/03/1988				9	9.5				9.3		9.3
15	21BTPL0588	Nguyễn Thanh Hải	01/01/1968				8	8				7.8		7.9

Châu Đốc, ngày 12 tháng 12 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc